Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 22.01.2020 09:03:33 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 128 /QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 21 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Thống kê tỉnh nhiệm kỳ 2019-2024

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ, quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 11/2013/QĐ-UBND ngày 03/4/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định phân cấp quản lý hội và quỹ xã hội, quỹ từ thiện trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 777/TTr-SNV ngày 31 tháng 12 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Thống kê tỉnh đã được Đại hội đại biểu Hội Thống kê tỉnh, nhiệm kỳ 2019-2024 thông qua ngày 30/11/2019 *(kèm theo Điều lệ)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch Hội Thống kê tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- TT.TU; TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Thống kê tỉnh;
- LĐVP, các Phòng, ban, Trung tâm;
- Lưu: VT, VP .Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh. M.Nhật

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Ngọc

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)
HỘI THỐNG KÊ TỈNH TÂY NINH
(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 128 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

1. Tên tiếng Việt: Hội Thống kê tỉnh Tây Ninh.

2. Tên tiếng nước ngoài (nếu có): Không

3. Tên viết tắt (nếu có): Không

4. Biểu tượng: Biểu tượng của Hội Thống kê tỉnh Tây Ninh là hình tròn nền màu xanh dương (*nhạt*) ngay trung tâm có 3 chữ "HTK" (*là 3 chữ cái đầu tên Hội Thống kê)*, kích thước chữ chiếm gần trọn chiều ngang và 1/2 chiều đứng, kiểu chữ cách điệu các cột biểu đồ hình trụ màu trắng viền vàng vươn cao dần, lồng theo các chữ là đường viền đỏ cách điệu đồ thị hình Sin mang hình ảnh Núi Bà đen *(biểu tượng cho tỉnh Tây Ninh*), bên dưới là dòng chữ in hoa màu vàng "TÂY NINH 02-10-2007" (*ngày thành lập Hội*).

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Thống kê tỉnh Tây Ninh (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức nghề nghiệp của những người đang hoặc đã từng làm công tác thống kê hiện đang sinh sống và làm việc trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, tự nguyện thành lập, nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trụ sở của Hội đặt tại Cục Thống kê tỉnh Tây Ninh, số 228, đường 30/4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội hoạt động trên phạm vi tỉnh Tây Ninh, trong lĩnh vực thống kê.

2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh và Cục Thống kê tỉnh Tây Ninh, cơ quan nhà nước có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.

2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.

3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.

4. Không vì mục đích lợi nhuận.

5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II
QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền mục đích của Hội.

2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.

3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.

4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội, tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định của pháp luật.

5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật và được cấp chứng chỉ hành nghề khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.

7. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.

8. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự

xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

4. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

5. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật.

6. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của hội.

7. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III
HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức: Công dân, tổ chức Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực thống kê có đủ tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, có thể trở thành hội viên chính thức của Hội.

b) Hội viên liên kết: Là những người yêu nghề thống kê, có khả năng hợp tác với Hội, có nguyện vọng trở thành hội viên liên kết với Hội

c) Hội viên danh dự: nguyên là lãnh đạo Hội (Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội) là những người có năng lực hoạt động, có uy tín và có nhiều thành tích đóng góp cho sự nghiệp phát triển của ngành Thống kê Tây Ninh, được đông đảo Hội viên tôn vinh.

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức: Là những người đang hoặc đã từng làm công tác thống kê (trong hoặc ngoài hệ thống thống kê Nhà nước) hiện đang sinh sống trong tỉnh Tây Ninh có nguyện vọng tham gia Hội.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.

5. Được giới thiệu hội viên mới.

6. Được khen thưởng theo quy định của Hội.

7. Được cấp thẻ hội viên (nếu có).

8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

9. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Lãnh đạo, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra hội

1. Người có đủ tiêu chuẩn và điều kiện như Điều 8 sẽ được tổ chức Hội xét và ra Quyết định kết nạp làm hội viên (chính thức hoặc liên kết) của Hội. Lễ kết nạp có thể tổ chức tại Hội cơ sở gần nhất nơi hội viên sinh sống và làm việc hoặc tại trụ sở chính của Hội.

2. Hội viên ra khỏi Hội trong các trường hợp sau:

- Vi phạm pháp luật; vi phạm đạo đức nghề nghiệp thống kê; vi phạm Điều lệ Hội, gây thiệt hại đến uy tín của Hội.

- Có nguyện vọng xin thôi sinh hoạt Hội

- Chết hoặc mất tích.

- Trường hợp hội viên không đóng hội phí từ 01 năm trở lên, hoặc tự ý bỏ sinh hoạt Chi hội từ 03 kỳ trở lên, không thực hiện thủ tục xin ra khỏi Hội vẫn xem như bị xoá tư cách hội viên và công nhận hội viên ra khỏi Hội.

3. Thủ tục ra khỏi Hội

- Việc ra khỏi hội của Hội viên do Ban chấp hành Hội xem xét và đề nghị chủ tịch Hội ra quyết định

- Khi Hội viên có quyết định ra khỏi Hội, Văn phòng thường trực Hội có trách nhiệm thông báo công khai cho toàn thể Hội viên biết.

Chương IV
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.

2. Ban Chấp hành Hội

3. Ban Thường trực Hội (hay còn gọi là Thường trực Hội);

4. Ban Kiểm tra Hội

5. Văn phòng, các ban chuyên môn của Hội

6. Các Chi hội Thống kê bao gồm các Chi hội ở Cơ quan Tỉnh hội và các Chi hội ở các huyện, thành phố trực thuộc tỉnh.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 5 năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; Phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ; Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có);

c) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và Báo cáo tài chính của Hội;

d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra;

đ) Các nội dung khác (nếu có);

e) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá 1/3 tổng số ủy viên của Ban Chấp hành Hội so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp 1-2 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 1/2 tổng số ủy viên Ban Chấp hành;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là hợp lệ khi có trên ½ ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 15. Ban Thường trực Hội

1. Ban Thường trực Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường trực Hội gồm: Chủ tịch Hội và các Phó Chủ tịch Hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường trực Hội:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường trực Hội:

a) Ban Thường trực Hội hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường trực mỗi năm họp 1-2 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 1/2 tổng số ủy viên Ban Thường trực;

c) Các cuộc họp của Ban Thường trực Hội là hợp lệ khi có 2/3 ủy viên Ban Thường trực Hội tham gia dự họp. Ban Thường trực Hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường trực Hội quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường trực Hội được thông qua khi có trên 1/2 tổng số ủy viên Ban Thường trực dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội

Điều 16. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội gồm Trưởng ban và một số ủy viên do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên;

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 17. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành

bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành Ban Thường trực Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành Ban Thường trực Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường trực Hội;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hội ký các văn bản của Hội;

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho các Phó Chủ tịch Hội.

3. Phó Chủ tịch Hội: Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật. Trong các Phó Chủ tịch Hội, một Phó Chủ tịch Hội làm nhiệm vụ thường trực kiêm Tổng thư ký Hội và một Phó Chủ tịch Hội làm Trưởng Ban kiểm tra.

Điều 18. Văn phòng Hội, các Ban chuyên môn Hội

1. Văn phòng Hội là tổ chức giúp việc Ban Thường trực Hội; lập các báo cáo của Hội; quản lý, bảo vệ và sử dụng tài sản của Hội; xử lý công việc hàng ngày và các công việc hành chính khác của Hội. Văn phòng Hội do Ban Thường trực Hội quản lý, điều hành.

2. Người đứng đầu Văn phòng Hội là Chánh Văn phòng Hội. Nhân sự làm việc tại Văn phòng Hội có thể kiêm nhiệm và không phải là hội viên, tự nguyện tham gia công việc Hội theo sự phân công của Chánh văn phòng Hội và được hưởng chi phí bồi dưỡng thù lao theo thỏa thuận đối với từng vụ việc cụ thể. Chánh Văn phòng Hội tham gia và làm thư ký ghi biên bản cuộc họp Ban Thường trực Hội, Ban Chấp hành Hội.

3. Các Ban chuyên môn Hội là tổ chức thuộc Hội có chức năng nghiên cứu, bồi dưỡng, đào tạo nghiệp vụ chuyên môn thống kê cho hội viên, triển khai tổ

chức thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của Hội theo sự phân công của Ban thường trực Hội. Số lượng, cơ cấu, chức năng các Ban chuyên môn do Ban Chấp hành hoặc Thường trực Hội quyết định, về số lượng tối thiểu phải có 02 Ban chuyên môn là Ban thu thập, xử lý thông tin thống kê và Ban phân tích chuyên đề, biên soạn ấn phẩm thống kê.

Điều 19. Chi hội

1. Chi hội được thành lập ở Văn phòng Hội, các Ban chuyên môn và các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh.

2. Việc thành lập Chi hội phải được sự đồng ý của Ban chấp hành Hội hoặc Văn phòng Hội, các Ban chuyên môn Hội

3. Chi hội hoạt động theo pháp luật và theo Điều lệ, Quy chế của Hội.

Chương V
CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 20. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI
TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 21. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội:

a) Nguồn thu của Hội:

- Lệ phí gia nhập Hội, hội phí hàng năm của hội viên;

- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;

- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

- Các khoản thu hợp pháp khác;

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;

- Chi mua sắm phương tiện làm việc;

- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật;

- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hội: Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh

phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.

2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VII
KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 23. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 24. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức: kỷ luật khiển trách, cảnh cáo và khai trừ ra khỏi Hội. Trường hợp gây thiệt hại về vật chất thì ngoài hình thức kỷ luật còn phải bồi thường.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

Chỉ có Đại hội Hội Thống kê tỉnh mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được trên 1/2 số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ (bổ sung, sửa đổi) Hội Thống kê tỉnh Tây Ninh gồm 08 Chương, 26 Điều đã được Đại hội Hội Thống kê tỉnh Tây Ninh, nhiệm kỳ III (2019-2024) thông qua ngày 30 tháng 11 năm 2019 tại Hội trường Cục Thống kê tỉnh Tây Ninh và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh.

2. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Thống kê tỉnh Tây Ninh có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.